

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUY NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Bản án số: 168/2022/HS-ST

Ngày: 18-8-2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN-TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Đình Hưng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Cảnh Liêm và bà Lê Thị Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Diễm - Thư ký của Tòa án nhân dân TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Quy Nhơn tham gia phiên tòa:
Ông Bùi Thế Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân TP Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 167/2022/TLST-HS ngày 25/7/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 169/2022/QĐXXST-HS ngày 03/8/2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn T**, giới tính: Nam; sinh năm 1999 tại tỉnh Gia Lai; Nơi ĐKNKTT: Tổ B, phường T, thị xã A, tỉnh Gia Lai; Chỗ ở: Thôn A, xã S, thị xã A, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 10/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Nguyễn Văn H, sinh năm 1973 và bà: Phạm Thị L, sinh năm 1977; Vợ, con; đã ly hôn, có 01 người con sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không; Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

Anh Trương Anh Th, sinh năm 1994 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Khu phố L, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nhữ Hùng K, sinh năm 1994 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn C, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định.

2. Anh Nguyễn Đình H, sinh năm 1994 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn C, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đầu tháng 3/2022, Nguyễn Văn T quen biết anh Trương Anh Th qua mạng xã hội facebook rồi thuê phòng trọ ở chung, đến ngày 14/3/2022, T cùng anh Th chuyển đến thuê phòng trọ tại 300 Diên Hồng, P. Ngô Mỹ, TP. Quy Nhơn. Do không có tiền trả nợ nên T nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô biển số 77C1-568.03 của anh Th bán lấy tiền. Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 16/3/2022, T nói dối mượn xe mô tô biển số 77C-568.03 của anh Th để đi mua thuốc lá, anh Th đồng ý. T điều khiển xe đến công viên ở đường An Dương Vương, TP. Quy Nhơn, dùng điện thoại di động chụp hình xe đăng lên tài khoản Facebook tên “Tê Art” rao bán. Khoảng 10 phút sau khi rao bán, Nhữ Hùng K dùng tài khoản Facebook “Khang Nhữ” nhắn tin cho T hỏi mua xe mô tô biển số 77C1-568.03. T nói dối xe mô tô biển số 77C1-568.03 của mình và đã bị mất giấy đăng ký xe, thỏa thuận bán xe cho K với giá 8.500.000 đồng và hẹn giao dịch vào trưa cùng ngày tại địa chỉ 930 Trần Hưng Đạo, TP. Quy Nhơn. Sau khi tìm được người mua xe, T điều khiển xe mô tô biển số 77C1-568.03 về nhà trọ trả cho anh Th. Đến khoảng 12 giờ 30 phút cùng ngày, T nói dối mượn xe mô tô biển số 77C1-568.03 để đi ngân hàng rút tiền, khi đi T cầm theo điện thoại di động của anh Th để liên hệ với K. T điều khiển xe đến điểm hẹn với K tại địa chỉ 930 Trần Hưng Đạo, TP. Quy Nhơn để bán xe mô tô cho K. Khi T đến liên hệ thì K nhờ bạn là Nguyễn Đình H đến gặp T để mua xe giúp. Sau khi kiểm tra chất lượng xe, H gọi điện báo cho K, K thỏa thuận với T mua xe mô tô trên với giá 7.500.000 đồng, T đồng ý bán xe và viết giấy xác nhận với nội dung là xe mô tô biển số 77C1-568.03 là của T đã bị mất giấy đăng ký xe, nếu có tranh chấp thì T chịu trách nhiệm. H chuyển cho T số tiền 7.500.000 đồng vào số tài khoản ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) 55810000369742 của Nguyễn Văn T. Sau khi bán được xe, T trốn về TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai thuê phòng trọ ở, dùng tiền bán xe trả nợ và tiêu xài cá nhân hết; còn điện thoại Samsung J7, trong quá trình sử dụng T làm rơi mất.

Khoảng 19 giờ ngày 16/3/2022, anh Th sử dụng facebook thấy T rao bán xe của mình nên gọi điện thoại cho T nhưng không được. Anh Th đến Công an P. Ngô Mỹ, TP. Quy Nhơn trình báo sự việc. Công an P. Ngô Mỹ lập hồ sơ chuyển Cơ quan CSĐT Công an TP. Quy Nhơn giải quyết theo thẩm quyền. Quá trình điều tra, Nguyễn Đình H đã giao nộp xe mô tô biển số 77C1-568.03, chứng từ chuyển khoản và giấy xác nhận do Nguyễn Văn T viết khi bán xe mô tô cho Cơ quan CSĐT Công an TP. Quy Nhơn.

Ngày 27/4/2022, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự TP. Quy Nhơn kết luận: 01 xe mô tô hiệu Honda số loại AirBlade, màu đen – bạc, biển số 77C1-568.03, số máy JF63E2102377, số khung 6329HZ085270, đã qua sử dụng trị giá 27.000.000 đồng.

Vật chứng thu giữ của vụ án gồm:

+ 01 xe mô tô hiệu Honda số loại AirBlade, màu đen – bạc, biển số 77C1-568.03, đã qua sử dụng.

+ Chứng từ chuyển khoản, giấy viết tay mua bán xe mô tô.

Ngày 28/5/2022, Cơ quan CSĐT Công an TP. Quy Nhơn đã ban hành Quyết định xử lý vật chứng trả 01 xe mô tô hiệu Honda số loại AirBlade, màu đen – bạc, biển số 77C1-568.03, đã qua sử dụng cho chủ sở hữu là anh Trương Anh Th.

Về phần dân sự:

- Bị hại anh Trương Anh Th đã nhận lại tài sản xe mô tô; đối với điện thoại di động Samsung J7 đã mất, anh Th không yêu cầu bồi thường dân sự gì thêm.

- Bị cáo Nguyễn Văn T đã hoàn trả số tiền 7.500.000 đồng cho anh Nguyễn Đình H, anh H không yêu cầu bồi thường gì thêm.

- Tại bản cáo trạng số 102/CT-VKSQN ngày 25/7/2022 Viện kiểm sát nhân dân TP. Quy Nhơn truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Bị cáo Nguyễn Văn T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã truy tố. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Cáo trạng. Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 174, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

Về bồi thường thiệt hại: Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét giải quyết.

Bị cáo tự bào chữa: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, không bào chữa.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Quy Nhơn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Do cần tiền tiêu xài và trả nợ, bị cáo Nguyễn Văn T nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của anh Trương Anh Th (ở cùng phòng trọ) để bán, vào sáng ngày 16/3/2022 bị cáo giả vờ hỏi mượn xe mô tô biển số 77C1-568.03 của anh Th, vì tin tưởng nên anh Th đã giao xe mô tô trên cho bị cáo. Khi nhận được

xe mô tô biển số 77C1-568.03 từ anh Th, bị cáo đem bán cho anh Nhữ Hùng K (anh K nhờ anh Nguyễn Đình H mua giúp) lấy số tiền 7.500.000 đồng rồi bỏ trốn. Bị cáo Nguyễn Văn T có đầy đủ sức khỏe, năng lực để nhận thức và điều khiển hành vi của mình nên phải biết hành vi dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng do tham lam, xem thường pháp luật, bị cáo lợi dụng tin tưởng của bị hại, dùng thủ đoạn gian dối bằng cách giả vờ mượn xe rồi mang đi bán lấy tiền tiêu xài, đã chiếm đoạt của bị hại Trương Anh Th 01 xe mô tô trị giá 27.000.000 đồng. Do đó, bị cáo Nguyễn Văn T đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

[3] Hành vi do bị cáo Nguyễn Văn T gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an ở địa phương nên phải xử phạt nghiêm, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo thì thấy rằng:

4.2 Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, trước đây chưa vi phạm gì.

4.2 Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

4.3 Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, bị cáo đã hoàn trả tiền cho người mua xe để khắc phục hậu quả, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự nên xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt để bị cáo an tâm cải tạo tốt.

[5] Về bồi thường thiệt hại:

5.1 Bị hại Trương Anh Th đã nhận lại xe mô tô bị chiếm đoạt, bị hại Thịnh không yêu cầu gì thêm nên HĐXX không xem xét giải quyết.

5.2 Bị cáo chiếm đoạt xe mô tô của anh Trương Anh Th đem bán cho anh Nhữ Hùng K lấy 7.500.000 đồng, xe mô tô đã được thu hồi trả lại cho bị hại, bị cáo đã hoàn trả lại số tiền trên cho người mua xe, anh K không yêu cầu bồi thường gì thêm nên HĐXX không xem xét giải quyết.

5.3 Anh Trương Anh Th khai có cho bị cáo mượn 01 điện thoại di động hiệu Samsung J7, bị cáo làm mất điện thoại trên, điện thoại này đã cũ, bán không ai mua, anh Th không yêu cầu bị cáo bồi thường nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Bị cáo bị kết án về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự.

[7] Về vấn đề khác: Anh Nhữ Hùng K và Nguyễn Đình H có hành vi mua 01 xe mô tô biển số 77C1-568.03 từ bị cáo Nguyễn Văn T với giá 7.500.000 đồng, nhưng anh K và anh H không biết đây là tài sản do bị cáo phạm tội mà có nên họ không phạm tội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 174, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

3. Án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND Tp. Quy Nhơn;
- Chi cục THADS Tp. Quy Nhơn;
- CQ CSĐT CA Tp. Quy Nhơn;
- Đội ĐTTH CA Tp. Quy Nhơn;
- Dương sự;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Ngô Đình Hưng